

Số: 210/2026/QĐST-HNGĐ

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Tráng A Tênh
- *Thư ký phiên họp:* Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên họp:* Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 246/2026/VDS-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số 03/2026/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên họp số 03/2026/QĐST-VDS ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị **Hoàng Thị T**, sinh ngày 03/10/1993. Căn cước công dân số 014.....00 và anh **Lò Văn X**, sinh ngày 01/5/1993. Căn cước công dân số 014.....20. Địa chỉ: **Bản T, xã C, tỉnh Sơn La**. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã **C**, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: **Bản H, xã C, tỉnh Sơn La**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cao Xuân D** – Chủ tịch. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Trong đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và quá trình giải quyết việc dân sự chị **Hoàng Thị T** và anh **Lò Văn X** trình bày:*

Chị **Hoàng Thị T** và anh **Lò Văn X** kết hôn với nhau từ năm 2012 do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **Y** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2012, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho phong tục tập quán. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên thời điểm đăng ký kết hôn, anh **Lò Văn X** chưa đủ tuổi kết hôn nên đã kê khai sinh ngày 01/02/1991 để được đăng ký kết hôn. Anh chị cũng không cung cấp chứng minh thư nhân dân cho cán bộ đăng ký hộ tịch.

Sau khi kết hôn, anh chị chúng sống hòa thuận hạnh phúc sống chung với nhau tại bản Tà Vài, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi cọ nhau, gia đình đã khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn X và chị Hoàng Thị T do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y (nay là UBND xã C, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2012 ngày 08/3/2012. Về con chung: Anh Lò Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu Lò Duy K, sinh ngày 28/3/2013 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu Lò Bảo N, sinh ngày 04/02/2014 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh chị không ai cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Công văn số 216/UBND-VP ngày 25/3/2026 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân xã C, tỉnh Sơn La trình bày:

Sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn và hồ sơ hộ tịch lưu trữ tại UBND xã C, xác định: Anh Lò Văn X và chị Hoàng Thị T đã thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã M (cũ) ngày 08/3/2012. Tuy nhiên theo thông tin ghi trong sổ gốc đăng ký kết hôn không có thông tin giấy tờ tùy thân của công dân tại thời điểm đăng ký kết hôn mà chỉ dựa trên tờ khai của công dân cung cấp.

Việc thực hiện đăng ký khai sinh cho cháu Lò Duy K (sinh ngày 28/3/2013). Tại thời điểm đăng ký khai sinh chị Hoàng Thị T cung cấp giấy chứng nhận kết hôn có thông tin không trùng khớp với thông tin cá nhân của chị nên UBND xã C không có căn cứ xác nhận cháu Lò Duy K là con chung của chị T và anh X. UBND xã C đã thực hiện đăng ký khai sinh cho cháu Lò Duy K thuộc trường hợp trẻ sinh ra chưa xác định được cha là không phù hợp với quy định của Luật.

Về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò Văn X và chị Hoàng Thị T, Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La xem xét giải quyết yêu cầu của công dân theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ việc: Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; 361, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T**.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số **13/2002** ngày 08/3/2012 của **Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận, anh **Lò Văn X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Duy K**, sinh ngày 28/3/2013 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **Hoàng Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Bảo N**, sinh ngày 04/02/2014 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh chị không ai cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về lệ phí: Miễn án toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T** yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh chị, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại **UBND xã M, huyện Y (nay là xã C), tỉnh Sơn La** nên căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

Tại phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ có đề nghị xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh **Lò Văn X** kết hôn với chị **Hoàng Thị T** trên cơ sở tự nguyện và đã được **UBND xã M, huyện Y, tỉnh Sơn La** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/3/2012.

Trong quá trình giải quyết yêu cầu, anh **Lò Văn X** cung cấp khai sinh sinh do **UBND xã C** cấp ngày 26/8/1998 thể hiện anh **X** sinh ngày 20/10/1993. Tuy nhiên, căn cước công dân số 014.....20 và xác nhận thông tin nơi cư trú do **Công an xã C** cung cấp thể hiện anh **Lò Văn X** sinh ngày 01/5/1993. Anh **X** xác nhận, anh sinh ngày 01/5/1993 nhưng khi khai sinh, bố mẹ anh không nhớ rõ ngày sinh nên kê khai không chính xác. Đến khi rà soát lại dữ liệu dân cư, anh đã xác định chính xác ngày sinh là 01/5/1993 và đã được cấp căn cước công dân với mã số định danh là 014093014920. Hiện nay, tất cả các giấy tờ tùy thân của anh đều thể hiện anh **Lò Văn X** sinh ngày 01/5/1993.

Như vậy, thời điểm anh **Lò Văn X** đăng ký kết hôn với chị **Hoàng Thị T** tại **UBND xã M, huyện Y** ngày 08/3/2012, anh **Lò Văn X** mới 18 tuổi 10 tháng 08 ngày là chưa đủ tuổi để thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Anh chị cho rằng xác định do không hiểu biết pháp luật nên đã tự khai tăng tuổi để đăng ký kết hôn và không cung cấp giấy tờ tùy thân cho cán bộ hộ tịch. Do có thiếu sót trong quá trình kiểm tra giấy tờ hộ tịch khi thực hiện đăng ký kết hôn nên **UBND xã M, huyện Y** đã thực hiện đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị **T** và anh **X**. Điều này phù hợp với văn bản số 216/UBND-VP ngày 25/3/2026 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân **xã C, tỉnh Sơn La**. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **T** và anh **X** nảy sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình, anh chị đi làm xa, cả hai không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi cọ, mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không thể thực hiện được nên quyết định Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật cho anh chị. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 và Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của anh **X** và chị **T** về hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Về giải quyết hậu quả kết hôn trái pháp luật: Chị **T** và anh **X** thống nhất xác nhận trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu **Lò Duy K**, sinh ngày 28/3/2013 và cháu **Lò Bảo N**, sinh ngày 04/02/2014 là phù hợp với giấy khai sinh số 26/2013 đối với cháu **Lò Duy K** và số 16/2014 đối với cháu **Lò Bảo N** do chính **UBND xã C** cấp. Văn bản trình bày của **UBND xã C** về con chung chưa phù hợp với trình bày của người yêu cầu và các tài liệu khác trong hồ sơ. Do đó, cần xác định chị **T** và anh **X** có 02 con chung như anh chị trình bày.

Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân trái pháp luật, anh chị thống nhất thỏa thuận, anh **Lò Văn X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Duy K**, sinh ngày 28/3/2013 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **Hoàng Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Bảo N**, sinh ngày 04/02/2014 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh chị không ai cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung, cháu **K** có

nguyện vọng ở với anh **X** và cháu **N** có nguyện vọng ở cùng chị **X**. Xét thấy, yêu cầu của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của hai bên và nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, đảm bảo cho sự phát triển của con chung chưa thành niên nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, chị **X** và anh **T** xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Lò Văn X** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên xin miễn lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Các Điều 2, 3, 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T**.

1.1. Hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T** số 11/2012, ngày 08/3/2012 của Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **Y**, tỉnh **Son La**.

1. 2. Về hậu quả của hủy kết hôn trái pháp luật:

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận, anh **Lò Văn X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Duy K**, sinh ngày 28/3/2013 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **Hoàng Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu **Lò Bảo N**, sinh ngày 04/02/2014 đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh chị không ai cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về lệ phí: Anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T** được miễn lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu anh **Lò Văn X** và chị **Hoàng Thị T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã **C**,

tỉnh Sơn La vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 - Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn,

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Tráng A Tếnh